

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN- TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phương Đông

- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST - HNGĐ ngày 01-3-2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 08/TB-TA, ngày 15-5-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1965– vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1980 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn LĐ, xã TĐ, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16-02-2023 và bản tự khai nguyên đơn ông Trần Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Ông đăng ký kết hôn với bà Trần Thị Th tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TY, tỉnh Yên Bái (Giấy đăng ký số: 40 ngày 30-9-2016). Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến ngày 02-6-2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp; bà Trần Thị Th muốn đi làm ăn xa nhưng ông không đồng ý

nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Thị Th.

Về con chung: Ông Trần Ngọc Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông Trần Ngọc Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Th được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Ngọc Q và bà Trần Thị Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, ông Trần Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trần Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn LD, xã TD, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của ông Trần Ngọc Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn ông Trần Ngọc Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Th đã được giao nhận, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của ông Trần Ngọc Q và bà Trần Thị Th là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, bà Trần Thị Th muốn đi làm ăn xa nhưng ông Trần Ngọc Q không đồng ý dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh, ông Trần Ngọc Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa ông Trần Ngọc Q và bà Trần Thị Th đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông Trần Ngọc Q vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, có căn cứ cho ông Trần Ngọc Q được ly hôn với bà Trần Thị Th theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông Trần Ngọc Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về chia tài sản*: Ông Trần Ngọc Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Ông Trần Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Ông Trần Ngọc Q được ly hôn bà Trần Thị Th.

2. *Về án phí*: Ông Trần Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Trần Ngọc Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000324 ngày 01-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Ông Trần Ngọc Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Đồng;
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phụng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Phụng

